**BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA**

**CÔNG TÁC BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM NĂM 2015**

***(****Ban hành kèm theo Quyết định số 756/ QĐ-ATTP ngày 07 / 12 /2015*

*cña Cục trưởng Cục An toàn thực phẩm)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | **Nội dung** | **Điểm**  | **Ghi chú** |
| Đạt | Thưởng | Chấm |
| **A. CÔNG TÁC TỔ CHỨC, LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO** |
| **I** | **Ban chỉ đạo liên ngành** |  |  |  | Tối đa 11.5 điểm  |
| 1 | Ban chỉ đạo liên ngành:  - Tỉnh có QĐ thành lập BCĐ liên ngành ATVSTP. - 100% huyện/thị có QĐ thành lập BCĐ liên ngành ATVSTP. - 100% xã/ phường/ thị trấn có QĐ thành lập BCĐ liên ngành ATVSTP. *\* Nếu không đảm bảo hoặc không hoàn thành các chỉ tiêu trên thì mức điểm ở nội dung này đạt →* | 3*2* |  |  | Kiểm tra các tài liệu, QĐ thành lập Ban chỉ đạo. |
| 2 | - Thành viên BCĐ liên ngành (cả 3 cấp tỉnh/huyện/xã) không thay đổi hoặc có thay đổi nhưng quyết định kiện toàn ngay trong năm.- *Nếu Thành viên BCĐ liên ngành (cả 3 cấp tỉnh/huyện/xã) khi có thay đổi nhưng không có quyết định kiện toàn bổ sung ngay trong năm thì mức điểm ở nội dung này đạt →.* | 3*2* |  |  | Kiểm tra các tài liệu, QĐ bổ sung Ban chỉ đạo. |
| 3 | - Ban CĐ liên ngành (cả 3 cấp tỉnh/huyện/xã) tổ chức họp 2 lần/năm. - Nếu Ban CĐ liên ngành (cả 3 cấp tỉnh/huyện/xã) họp dưới 2 lần/năm *năm thì mức điểm ở nội dung này đạt →* | 21 |  |  | Tài liệu, giấy mời, Biên bản, kết luận Hội nghị. |
| 4 | - Có quy chế hoạt động phối hợp giữa 3 ngành: Y tế, Công thương và Nông nghiệp. *- Nếu không có quy chế hoạt động phối hợp giữa 3 ngành: Y tế, Công thương và Nông nghiệp thì mức điểm ở nội dung này đạt →* | 3 |  |  | Quy chế/ biên bản. |
| 0 |
| 5 | - Ban CĐ liên ngành tổ chức họp để giải quyết sự cố hoặc vấn đề nổi cộm về lĩnh vực ATTP.- Hoặc Tổ chức Hội nghị, hội thảo liên ngành ngoài kế hoạch để giải quyết các vấn đề nóng, nhậy cảm nhằm phục vụ công tác quản lý.  |  | 0.5 |  | Tài liệu, giấy mời, Biên bản, kết luận Hội nghị. |
| **II** | **Triển khai tháng hành động** |  |  |  | Tối đa 6 điểm |
| 1 | - Có phê duyệt kế hoạch, UBND tỉnh chủ trì họp triển khai cho các ngành, các cấp trong tỉnh và tổ chức Lễ phát động.*- Hoặc có phê duyệt kế hoạch, UBND tỉnh chủ trì họp triển khai cho các ngành, các cấp trong tỉnh và giao cho Sở (Y tế, hoặc Công Thương, Nông nghiệp) trì tổ chức Lễ phát động.* | 43 |  |  | Kiểm tra kế hoạch được phê duyệt, giấy mời tham gia Lễ phát động, các tài liệu khác có liên quan. |
| 2 |  *- 100% huyện/thị có tổ chức Lễ phát động.* *- Trên 80% huyện/thị có tổ chức Lễ phát động.**- Dưới 80% huyện/thị có tổ chức Lễ phát động.* | 21*0* |  |  |  |
| **III** | **Tổ chức sơ kết, tổng kết, hội thảo** |  |  |  | Tối đa 5 điểm |
| 1 | Hội nghị sơ kết 6 tháng:  - Có tổ chức Hội nghị. *- Không tổ chức Hội nghị*  | 20 |  |  | Tài liệu, kế hoạch, báo cáo hoặc biên bản. |
| 2 | Hội nghị sơ kết 12 tháng:  - Có tổ chức Hội nghị.  *- Không tổ chức Hội nghị.* | 30 |  |  | Tài liệu, kế hoạch, báo cáo hoặc biên bản. |
| **IV** | **Chỉ đạo tuyến và đào tạo nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn** |  |  |  | Tối đa 3 điểm |
| 1 | Phân công cán bộ chỉ đạo tuyến. | 2 |  |  | Kiểm tra quyết định phân công. |
| 2 | Cán bộ Chi cục tham gia tập huấn chuyên môn (có chứng chỉ, chứng nhận, bằng tốt nghiệp...). | 1 |  |  | Xem chứng chỉ, chứng nhận, bằng tốt nghiệp... |
| **B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN** |
| **I** | **Công tác quản lý cơ sở SX, KD TP** |  |  |  | Tối đa 13 điểm |
| 1 | Có sổ theo dõi các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn hoặc được phân cấp quản lý . | 3 |  |  | Kiểm tra, đánh giá cụ thể trên tài liệu, sổ sách ghi chép. |
| 2 | Có sổ theo dõi việc cấp và thu hồi giấy chứng nhận cho các cơ sở đủ điều kiện VSATTP. | 3 |  |  |
| 3 | Có sổ theo dõi việc cấp và thu hồi giấy xác nhận phù hợp ATTP và xác nhận công bố hợp quy cho các tổ chức, cá nhân do Chi cục cấp. | 3 |  |  |
| 4 | Có sổ theo dõi việc cấp xác nhận quảng cáo, quảng cáo tại Hội nghị, Hội thảo cho các tổ chức, cá nhân do Chi cục cấp.  | 3 |  |  |
| 5 | Có sổ theo dõi các cơ sở không đạt trong quá trình thanh kiểm tra không. |  | 0.5 |  |
| 6 | Có triển khai giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa. |  | 0.5 |  | Kiểm tra thực tế. |
| **II** | **Quản lý sử dụng kinh phí** |  |  |  | Tối đa 5 điểm |
| 1 | Kinh phí Chương trình mục tiêu được sử dụng đúng kế hoạch được cấp từ Trung Ương. | 4 |  |  | Kiểm ra phê duyệt kế hoạch, các nội dung hoạt động chuyên môn, TCKT. |
| 2 | Địa phương cấp thêm kinh phí. |  | 0.5 |  | Kiểm tra tài liệu chứng minh. |
| 3 | Thêm nguồn kinh phí (xã hội hóa) cho các hoạt động chuyên môn được nhận từ các tổ chức xã hội khác. |  | 0.5 |  |
| **III** | **Thống kê báo cáo** |  |  |  | Tối đa 11 điểm |
| 1 | - Báo cáo hoạt động 6 tháng, 12 tháng theo quy định về Cục ATTP. *- Nếu chậm hoặc không đủ số lượng (< 2 báo cáo) trên thì mức điểm ở nội dung này đạt →* | 32 |  |  | Kiểm tra (ngày ký) báo cáo (bản lưu) 6 tháng, 12 tháng. |
| 2 |  - Báo cáo tổng kết Tháng hành động vì ATTP và gửi về Cục ATTP (Gửi đúng hạn). - *Nếu chậm thì mức điểm ở nội dung này đạt →* | 32 |  |  | Kiểm tra (ngày ký) báo cáo (bản lưu). |
| 3 |  - Báo cáo hoạt động của các dự án thuộc Chương trình mục tiêu (gồm 4 dự án). *- Nếu chậm thì mức điểm ở nội dung này đạt →* | 32 |  |  |
| 4 | Có sổ theo dõi vụ NĐTP.  - Nếu không có sổ theo dõi vụ NĐTP *thì mức điểm ở nội dung này →* | 20 |  |  | Kiểm tra sổ theo dõi theo quy định. |
| **IV** | **Thông tin truyền thông** |  |  |  | Tối đa 13 điểm |
| 1 | Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo yêu cầu thuộc dự án “Thông tin giáo dục truyền thông bảo đảm CLVSATTP” của Bộ Y tế phân bổ (đảm bảo đủ kinh phí, các hoạt động đúng nội dung đã được phê duyệt).  | 4 |  |  | Kiểm tra phê duyệt kế hoạch, các giấy tờ, tài liệu, sổ sách liên quan đến các hoạt động. |
| 2 | Phê duyệt kế hoạch tổ chức Tháng hành động. | 2 |  |  | Kiểm tra kế hoạch được phê duyệt. |
| 3 |  - Các hoạt động truyền thông: Kinh phí ( xã hội) để tăng cường cho hoạt động truyền thông; tuyên truyền các mô hình điển hình tiên tiến đảm bảo ATTP, hoặc công khai, minh bạch các trường hợp vi phạm công tác bảo đảm ATTP trên các phương tiện thông tin đại chúng. | 2 |  |  | Kiểm tra các tài liệu, số liệu, nội dung tài liệu, sản phẩm truyền thông minh chứng cho nội dung hoạt động này. |
| 4 | Tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng về công tác truyền thông, có hợp đồng phát trên truyền hình, đài phát thanh của tỉnh, in các ấn phẩm video, tờ rơi, tờ gấp, Poster, Pano áp phích, phát tuyên truyền về lĩnh vực an toàn thực phẩm.  | 3 |  |  | Kiểm tra các tài liệu liên quan đến hoạt động. |
| 5 | Đa dạng hóa các sản phẩm truyền thông, các sản phẩm truyền thông (tổ chức cuộc thi, dàn dựng các tiểu phẩm, chuyển đổi các sản phẩm truyền thông từ tiếng phổ thông sang các tiếng dân tộc (khác) để phục vụ công tác tuyên truyền.  | 2 |  |  | Kiểm tra các tài liệu liên quan đến hoạt động. |
| **V** | **Giám sát ngộ độc thực phẩm, cảnh báo nguy cơ** |  |  |  | Tối đa 14.5 điểm |
| 1 | Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo yêu cầu thuộc dự án “Phòng chống ngộ độc thực phẩm , các bệnh truyền qua thực phẩm” của Bộ Y tế phân bổ(đảm bảo đủ kinh phí, các hoạt động đúng nội dung đã được phê duyệt.  | 4 |  |  | Kiểm tra, kế hoạch, các giấy tờ, tài liệu, sổ sách liên quan đến hoạt động. |
| 2 | Giám sát chủ động (thường quy): tổ chức lấy mẫu, kiểm nghiệm mẫu giám sát.  | 2 |  |  | Kiểm tra việc lấy mẫu, kết quả kiểm nghiệm (đối chiếu với kế hoạch phân bổ từ đầu năm).  |
| 3 | Xử lý (nếu có) với kết quả mẫu giám sát thường quy (mẫu giám sát mối nguy mất an toàn thực phẩm) không đạt. |  | 0.5 |  | Kiểm tra văn bản (báo cáo, công văn xin ý kiến xử lý, văn bản liên quan đến tổ chức thanh kiểm tra... |
| 4 | Kiểm tra công tác sẵn sàng ứng phó khi trên địa bàn tỉnh xảy ra vụ ngộ độc. | 2 |  |  | Kiểm tra các văn bản và điều kiện cụ thể như: QĐ đoàn điều tra, cán bộ điều tra, phương tiện xe, phương tiện lấy mẫu, mẫu phiếu điều tra... |
| 5 | Tỷ lệ ca NĐTP /100.000 người dân trong các vụ ngộ độc được báo cáo.  | 2 |  |  | Đối chiếu với chỉ tiêu kế hoạch được giao từ đầu năm. |
| 6 | Tỷ lệ các cơ sở dịch vụ ăn uống do tỉnh/TP quản lý và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm do ngành y tế quản lý đuợc cấp giấy chúng nhận đủ ĐK VSATTP:  - Đạt. - *Nếu không đạt.* | 21 |  |  | Đối chiếu với chỉ tiêu kế hoạch được giao từ đầu năm. |
| 7 | Có triển khai hoạt động:+) Đảm bảo VSATTP thức ăn đường phố +) Đảm bảo VSATTP bếp ăn tập thể, bếp ăn trường học và khu công nghiệp. | 11 |  |  | Kiểm tra kế hoạch được phê duyệt, tổ chức triển khai. |
| **VI** | **Kiểm nghiệm** |  |  |  | Tối đa 6 điểm |
| 1 | Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo yêu cầu thuộc dự án “Tăng cường năng lực KN CLATVSTP” của BYT phân bổ(đảm bảo đủ kinh phí, các hoạt động đúng nội dung đã được phê duyệt.  | 4 |  |  | Kiểm tra kế hoạch, các giấy tờ, tài liệu, sổ sách liên quan đến hoạt động. |
| 2 | Triển khai việc kiểm nghiệm mẫu thực phẩm (mẫu giám sát thường quy, mẫu từ hoạt động thanh kiểm tra, mẫu từ các vụ ngộ độc thực phẩm. | 2 |  |  | Kiểm tra kế hoạch (hợp đồng lấy mẫu, xét nghiệm với đơn vị kiểm nghiệm) và các tài liệu liên quan. |
| **VII** | **Thanh tra** |  |  |  | Tối đa 12 điểm |
| 1 | Có kế hoạch thanh kiểm tra cả năm đã được phê duyệt.  | 4 |  |  | Kiểm tra kế hoạch được phê duyệt, tổ chức triển khai. |
| 2 | Có triển khai thanh, kiểm tra định kỳ.  | 2 |  |  | Kiểm tra kế hoạch, QĐ, biên bản thanh, kiểm tra. |
| 3 | Có triển khai thanh, kiểm tra đột xuất.  | 2 |  |  | Kiểm tra QĐ, biên bản thanh, kiểm tra. |
| 4 | Có triển khai thanh tra, kiểm tra liên ngành. | 2 |  |  | Kiểm tra kế hoạch, QĐ, biên bản thanh, kiểm tra. |
| 5 | Có xử lý các hành vi vi phạm về ATTP. | 1 |  |  | Kiểm tra kết luận, QĐ xử lý. |
| 6 | Công khai các thông tin các vi phạm và xử lý vi phạm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng. |  | 1 |  | Kiểm tra tài liệu, văn bản, hình thức thông tin (bài báo, đài, truyền hình các sơ sở vi phạm). |
| **VIII** | **Xây dựng mô hình điểm** |  |  |  | Tối đa 2 điểm |
|  | Có triển khai xây dựng mô hình điểm về công tác bảo đảm ATTP hoặc mô hình quản lý về lĩnh vực ATTP.*Nếu không triển khai hoạt động này thì mức điểm ở nội dung này →* | 20 |  |  | Kiểm tra kế hoạch phê duyệt, tổ chức thực hiện. |
| **IX** | **Nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật** |  |  |  | Tối đa 3 điểm |
| 1 | - Có đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên (Đề tài nghiên cứu về lĩnh vực ATTP).*- Nếu không có đề tài nghiên cứu nhưng có phối hợp với đơn vị khác để thực hiện đề tài nghiên cứu thì mức điểm ở nội dung này đạt →.* | 21 |  |  | Kiểm tra đề tài, tài liệu chứng minh.  |
| 3 | Có sáng kiến cải tiến kỹ thuật cấp tỉnh trở lên; hoặc viết bài tuyên truyền; hoặc 04 tin bài hoạt động của Chi Cục được đăng tải trên Website Cục ATTP. |  | 0,5 |  | Kiểm tra tài liệu liên quan. |
| 4 | Có bài báo khoa học được đăng trên tạp chí khoa học từ Bộ (ngành) trung ương; hoặc có báo cáo nghiên cứu khoa học được trình bày tại các hội nghị khoa học khu vực hoặc toàn quốc. |  | 0,5 |  | Kiểm tra đề tài, tài liệu chứng minh. |

**\* Tổng điểm:** Điểm đạt ═100 điểm; Điểm thưởng ═ 5 điểm

**\* Phân loại:**

**-** Loại xuất sắc: Trên 95 điểm

|  |  |
| --- | --- |
| **-** Loại **A** tốt:  | Từ 90 – 95 điểm  |
| **-** Loại **B** khá:  | Từ 70 - 89 điểm |
| **-** Loại **C** trung bình:  | Dưới 70 điểm |
| ĐƠN VỊ ĐƯ­­ỢC KIỂM TRA  |  | TRƯ­­ỞNG ĐOÀN KIỂM TRA |